FireAnt

CTCP Thuỷ Điện Miền Nam (HSX: SHP)

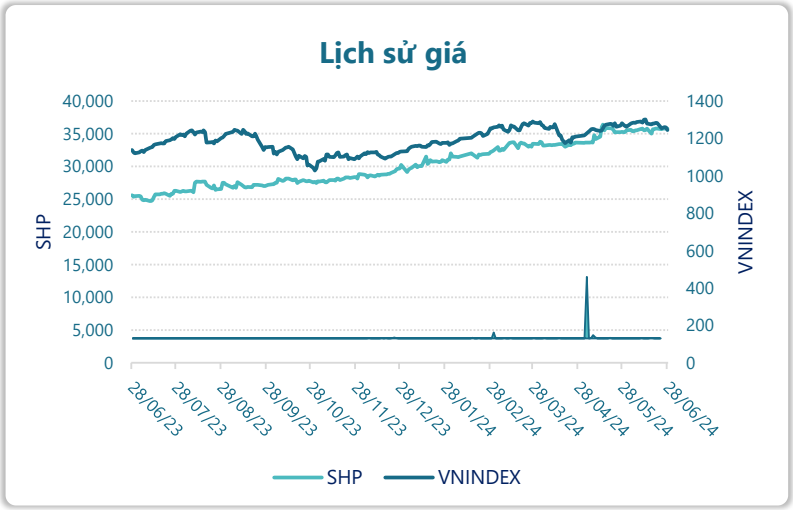

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,721
SL cổ phiếu LH	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,760
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,623
P/E	15.0
EPS	2,385

DT thuần

Q2/24

99.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.9| 75.7%

YoY: ▼32.5| -24.6%

LN sau thuế

Q2/24

33.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.8| 633%

YoY: ▼12.3| -26.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

38.7%

+/- YoY: ▼ 3.9%

DT thuần

6T 2024

156

tỷ VNĐ

YoY: ▼60.0| -27.8%

LN sau thuế

6T 2024

27.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.9| -55.5%

ROE

Q2/24

21.8%

+/- YoY: ▲ 1.9%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

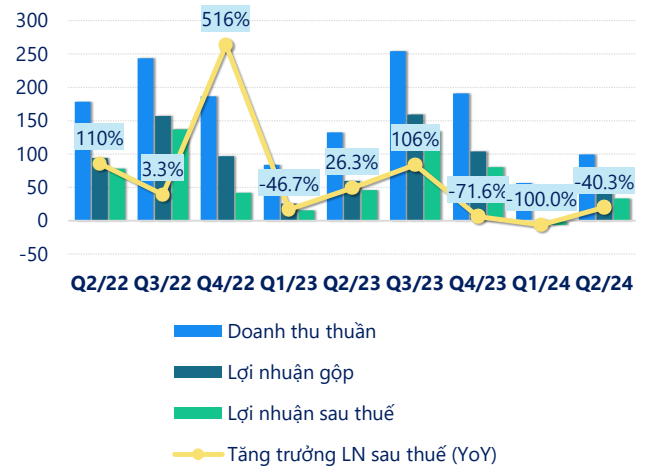

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

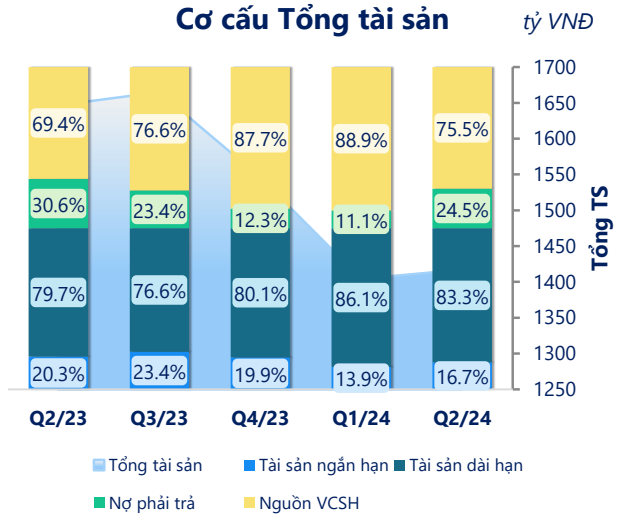

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

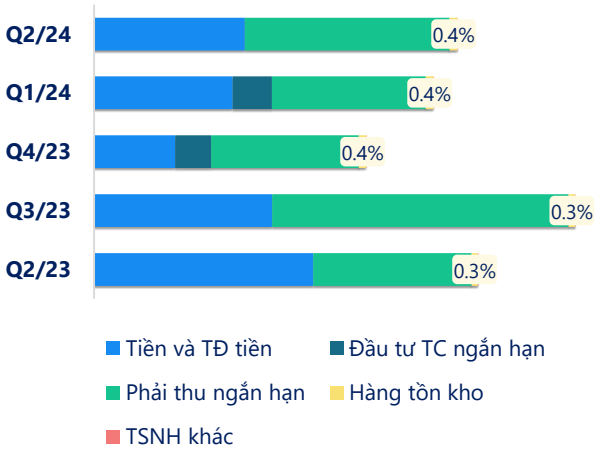

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

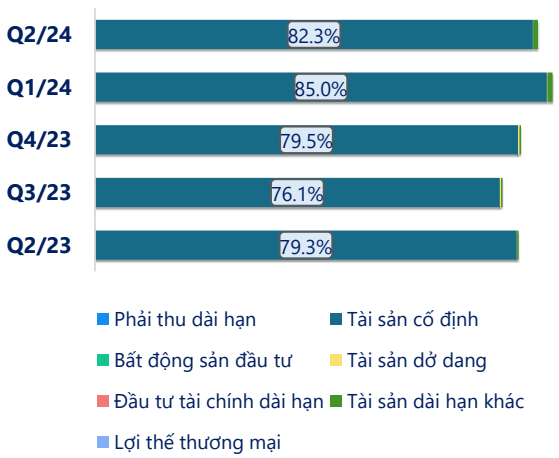

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

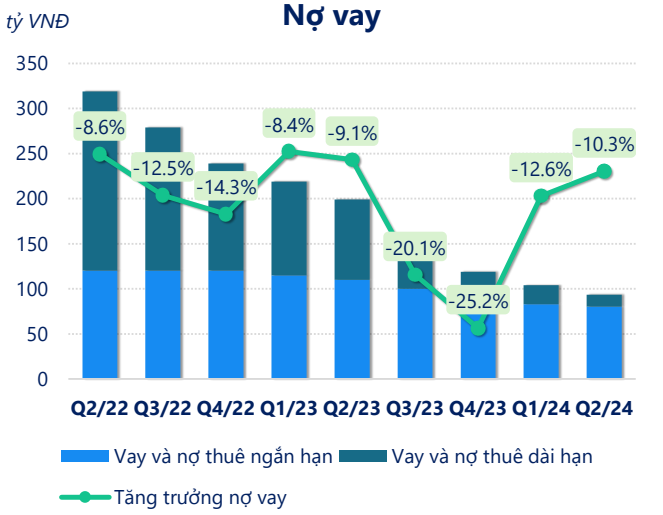

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

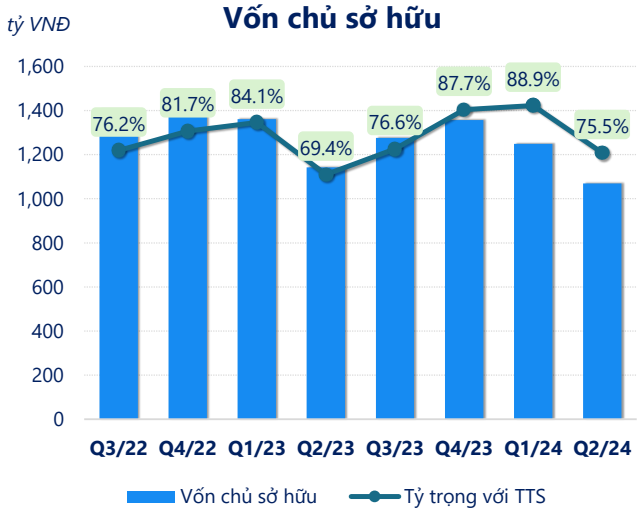

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

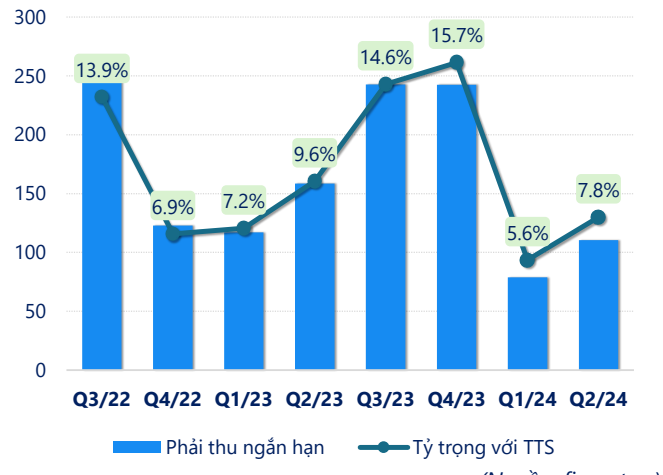

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

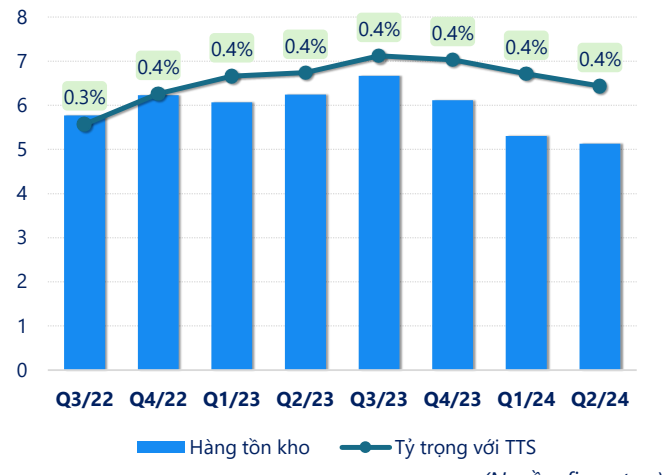

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

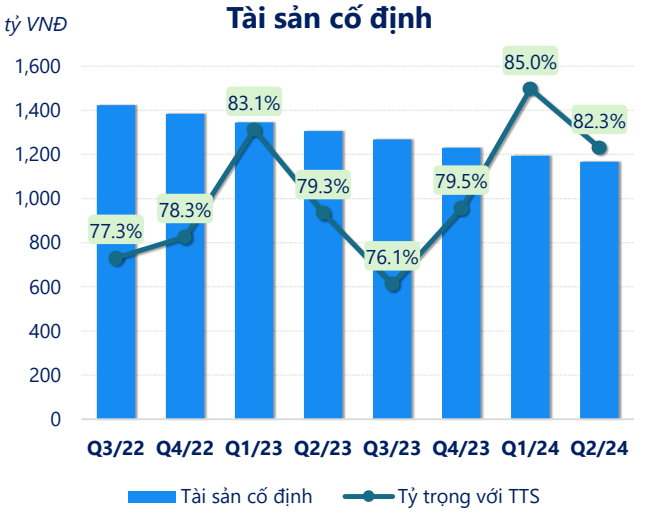

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

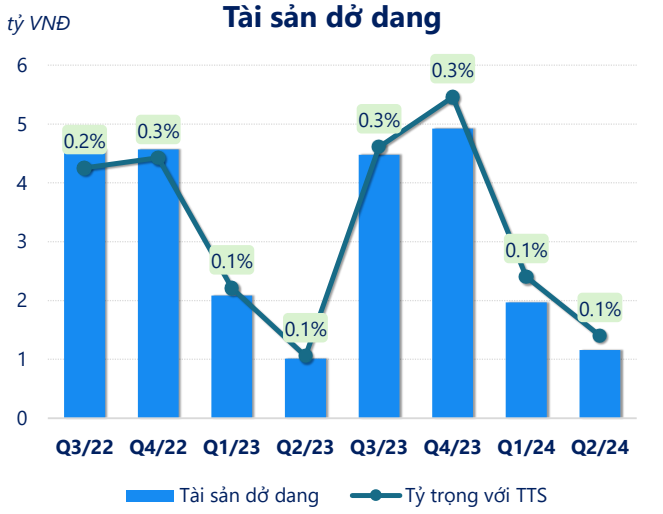

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

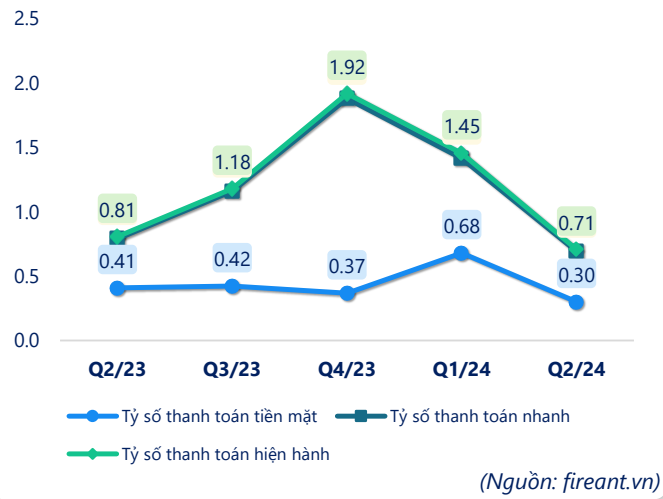

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

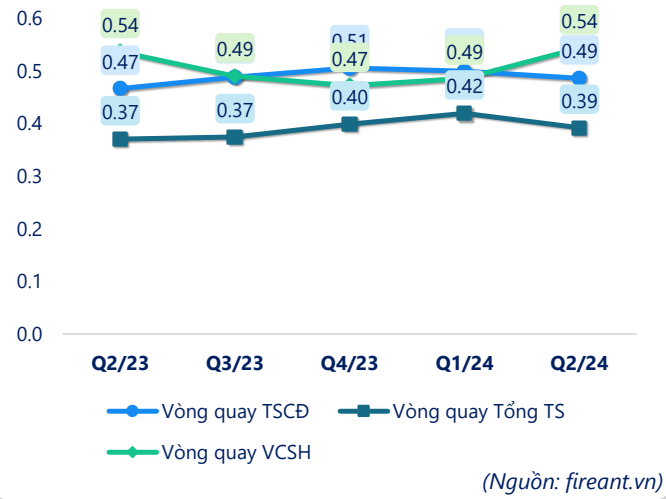

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,646**	**1,665**	**1,546**	**1,404**	**1,417**
Tài sản ngắn hạn	**335**	**389**	**308**	**196**	**236**
Tiền và tương đương tiền	170	139	58.9	91.5	100
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	20.0	20.0
Phải thu ngắn hạn	159	243	242	78.9	110
Hàng tồn kho	6.24	6.67	6.11	5.31	5.13
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.15	0.17	0.14	0.18
Tài sản dài hạn	**1,312**	**1,276**	**1,238**	**1,209**	**1,181**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.70
Tài sản cố định	1,306	1,267	1,230	1,193	1,166
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.01	4.47	4.92	1.97	1.16
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.48	4.11	3.67	13.4	12.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**504**	**389**	**189**	**156**	**347**
Nợ ngắn hạn	**415**	**330**	**160**	**135**	**334**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	100	90.0	83.0	80.3
Phải trả người bán ngắn hạn	1.02	3.88	4.12	6.96	0.65
Nợ dài hạn	89.0	59.0	29.0	21.0	13.0
Vay và nợ thuê dài hạn	89.0	59.0	29.0	21.0	13.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,142**	**1,276**	**1,356**	**1,249**	**1,070**
Vốn chủ sở hữu	**1,142**	**1,276**	**1,356**	**1,249**	**1,070**
Vốn điều lệ	1,012	1,012	1,012	1,012	1,012
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)